

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HSST

Ngày 23- 06-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tiến;

2. Ông Ngô Văn Sang.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 05 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 06 năm 2020 đối với bị cáo:

Lâm Văn D1, sinh ngày 23- 02- 1995; Nơi sinh: Huyện T2, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn T3, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: Lâm Văn Q1; họ tên mẹ: Nguyễn Thị V1; họ tên vợ: Nguyễn Thị T4; có 01 con sinh năm 2015; Nhân thân: Ngày 09- 08- 2013, bị Tòa án nhân dân thành phố T5, tỉnh Thái Bình xử 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng 04 (Bốn) ngày, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Tiền án, tiền sự: không. Danh chỉ bản số 057 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 11- 03- 2020. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10- 03- 2020; bị tạm giam từ ngày 16- 03- 2020; hiện bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ thuộc Công an huyện Thái Thụy, trích xuất; có mặt.

Bị hại:

-Anh Vũ Đình D2, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn Đ1, xã S1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

-Người làm chứng:

-Bà Nguyễn Thị D3, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn Đ1, xã S1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

-Ông Tăng Văn H1, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn Đ1, xã S1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

-Ông Hà Văn H2, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Thôn Đ1, xã S1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 00' ngày 10- 03- 2020, bị cáo đi nhờ xe của em học sinh từ nhà đến thị trấn D4 rồi đi xe ôm đến xã T6 (nay là xã S1). Với mục đích trộm cắp, khi đi bị cáo mang theo 01 clê bằng kim loại, một đầu chữ U, một đầu khuyên hình tròn; 01 đoạn kim loại có hình chữ T; 01 đoạn kim loại khác một đầu hình lục giác, một đầu dẹp. Hồi 21 giờ cùng ngày, bị cáo đi bộ trên đường thôn Đ1 tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Đến khu vực nhà bà D3, bị cáo phát hiện 01 xe mô tô đang dựng tại sân nên đi đến vị trí để xe, đưa vạm phá khóa vào ổ điện, gạt chân chống phụ, rồi dắt xe lùi ra ngoài. Khi này, bà D3 đi từ ngoài cổng vào nhà, phát hiện ra bị cáo đang dắt xe lùi ra nên tra hỏi. Bị cáo bỏ chạy ra ngoài đường nên bà tri hô; nghe thấy tiếng hô, mọi người cùng đuổi bắt bị cáo. Bị cáo chạy được khoảng 100m thì bị bắt giữ, đưa đến Ủy ban nhân dân xã lập biên bản. Bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-ĐG ngày 13- 03- 2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 17B1- 635.40 giá 5.000.000đồng (Năm triệu đồng).

Các chứng cứ chứng minh : Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 10- 03- 2020; Biên bản xác định hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Đơn trình báo và lời khai bị hại; Lời khai của những người làm chứng là bà D3, ông H1, ông H2 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 17B1- 635.40 đã được Cơ quan điều tra trả cho bị hại. Các vật chứng khác đang quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy gồm: 01 clê bằng kim loại, một đầu chữ U, một đầu khuyên hình tròn; 01 đoạn kim loại có hình chữ T; 01 đoạn kim loại khác một đầu hình lục giác, một đầu dẹp.

Tại phiên tòa, bị cáo xác định: Với mục đích trộm cắp tài sản, tối 10- 03- 2020, bị cáo mang theo 01 clê bằng kim loại và 01 vạm phá khóa (vạm phá khóa gồm 02 đoạn kim loại trong đó: 01 đoạn hình chữ T; 01 đoạn có một đầu hình lục giác, một đầu dẹp). Bị cáo đi nhờ xe đến thị trấn D1 rồi thuê xe ôm chở đến xã T6; đi bộ trên đường thôn Đ1 tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi phát hiện 01 xe mô tô đang dựng tại sân một gia đình, bị cáo đi vào, dùng vạm phá khóa tra vào ổ điện, gạt chân chống phụ, rồi dắt xe lùi ra ngoài đường. Khi này, có người đi từ ngoài đường vào nên phát hiện bị cáo trộm cắp xe. Bị cáo để lại xe và bỏ chạy ra đường. Người đó tri hô nên mọi người đuổi theo, bắt giữ bị cáo, đưa đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã làm việc. Khi bị bắt giữ, bị cáo bị những người đuổi theo đánh gây thương tích nhưng bị cáo không biết ai gây thương tích cho mình. Do vết thương nhẹ, bị cáo từ chối giám định, không yêu cầu khởi tố.

Bị hại là anh D2 trình bày: Tối 10- 03- 2020, anh dựng chiếc xe mô tô tại sân nhà. Hồi 21 giờ 10 phút, anh nghe tiếng mẹ anh hô trộm nên chạy ra đuổi

theo. Sau đó, anh cùng mọi người bắt giữ bị cáo, đưa đến Ủy ban nhân dân xã làm việc, lập biên bản. Kiểm tra xe anh thấy xe đã dịch chuyển khỏi vị trí anh dựng lúc trước; ổ khóa có thanh kim loại còn cắm trong ổ. Anh đã nhận lại xe, không yêu cầu bồi thường.

Người làm chứng là bà D3 trình bày: Hồi 21 giờ ngày 10- 03- 2020, khi đi về gần đến nhà, bà nhìn thấy có người đi bộ vào cổng nhà bà; khi về đến cổng bà thấy người đó đang dắt xe máy của con trai bà (là anh D2) đi lùi ra cổng nhà mình. Khi bà lên tiếng hỏi thì người đó để lại xe và bỏ chạy. Bà hô trộm rồi sau đó thấy mọi người đuổi theo, bắt giữ bị cáo đưa đến Ủy ban nhân dân xã.

Người làm chứng là ông H1, ông H2 trình bày: Hồi 21 giờ, khi nghe bà D3 hô trộm thì nhiều người cùng đuổi theo một nam thanh niên đang chạy trốn. Sau khi bắt giữ được, mọi người đã đưa người thanh niên đến Ủy ban nhân dân xã trình báo.

Bản cáo trạng số 48/CT-VKSTT ngày 25- 05- 2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Kiểm sát viên đề nghị: Xử phạt bị cáo từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 10- 03- 2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền; không đặt ra giải quyết về trách nhiệm dân sự. Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa kim loại và 01 đoạn kim loại hình chữ T; 01 đoạn kim loại có một đầu hình lục giác, một đầu dẹp. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo trình bày: Tội 10- 03- 2020, bị cáo đã trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 17B1- 635.40 của anh D2 khi anh dựng xe tại sân nhà anh thuộc thôn Đ1, xã S1. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Bị cáo là người trên 18 tuổi, có năng lực trách nhiệm hình

sự, đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp . Tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị 5.000.000đồng nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điều luật trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[3]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã lợi dụng sơ hở trong trông coi tài sản để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; là nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý về hình sự; cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt tù để giáo dục bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Theo các tài liệu, chứng cứ trong quá trình điều tra và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người lao động, công việc và thu nhập không ổn định, không có tài sản nên không áp hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[4]. Về vật chứng, xử lý vật chứng:

- Trong quá trình tố tụng, Cơ quan điều tra đã trả cho anh D2: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 17B1- 635.40.

- 01 chìa khóa kim loại, một đầu chữ U, một đầu khuyên hình tròn; 01 đoạn kim loại hình chữ T; 01 đoạn kim loại một đầu hình lục giác, một đầu dẹp; hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận ngày 26- 05- 2020. Đây là công cụ phạm tội, cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản; không yêu cầu bồi thường nên trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

[6]. Trong vụ án này: Bị cáo trình bày: Bị cáo đi nhờ xe của một học sinh đi từ xã T1 đến thị trấn D4; sau đó thuê xe ôm chở đến xã S1. Bị cáo không biết tên, địa chỉ hai người này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác định.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000, đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lâm Văn D1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt: Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Lâm Văn D1: 01 (Một) năm tù; thời gian tù tính từ ngày 10- 03- 2020.

-Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

-Tịch thu tiêu hủy các vật chứng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26- 05- 2020 gồm: 01 clê bằng kim loại, một đầu chữ U, một đầu khuyên hình tròn; 01 đoạn kim loại có hình chữ T; 01 đoạn kim loại khác một đầu hình lục giác, một đầu dẹp;

5. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000, đồng án hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tòng